

Một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn hoạt động của VAMC

Do nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan, nợ xấu tại hầu hết các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam những năm gần đây tăng cao và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động tín dụng (TD), đến an toàn hệ thống ngân hàng cũng như tác động đến sự phát triển kinh tế- xã hội chung. Xử lý có hiệu quả các khoản nợ xấu ở các NHTM đang là yêu cầu cấp bách hiện nay. VAMC ra đời với kỳ vọng giải quyết yêu cầu này. Tuy nhiên, sau gần một năm đi vào hoạt động, số nợ xấu mà VAMC xử lý được mới chiếm một tỷ lệ khiêm tốn, khoảng 1% dư nợ đã mua. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng nợ xấu cũng như thực tiễn hoạt động và những hạn chế của VAMC, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần phát huy vai trò của VAMC trong xử lý nợ xấu của các NHTM Việt Nam.

PGS. TS. KIỀU HỮU THIÊN

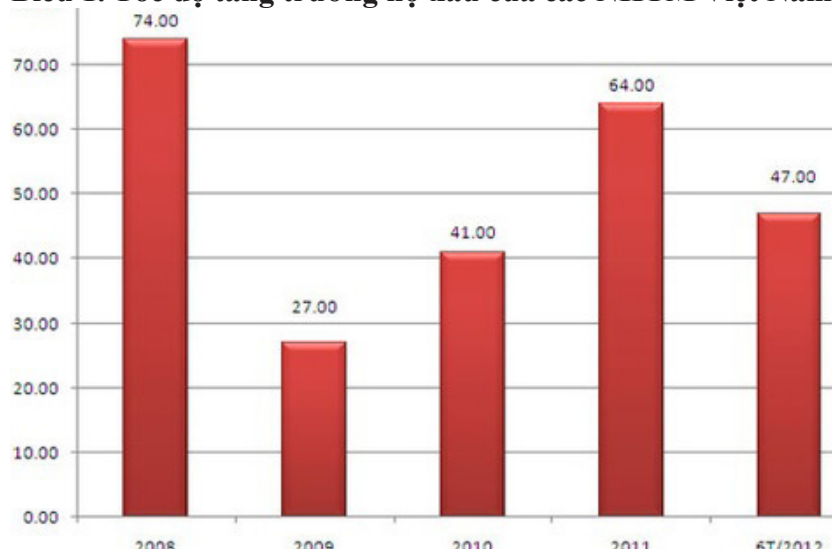
Học viện Ngân hàng

1. Thực trạng nợ xấu của các NHTM Việt Nam

Trong những năm qua, tăng trưởng TD của hệ thống NHTM Việt Nam khá cao. Các số liệu thống kê cho thấy, trong mười (10) năm trở lại đây, tăng trưởng TD đạt mức trung bình trên 30%; cá biệt năm 2007 tăng trưởng TD lên tới trên 50% (một số NHTMCP qui mô nhỏ thậm chí tốc độ này đạt tới trên 60%). Dư nợ TD năm 2012 đã lên tới trên 1,2 lần so GDP, trong khi tỷ lệ này ở các nước chỉ vào khoản 0,6- 0,7 lần¹. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam hiện vẫn lệ thuộc vào vốn đầu tư và trong bối cảnh dòng vốn nước ngoài bị sụt giảm khá mạnh do khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công châu Âu (vốn là một trong những đối tác đầu tư chính của Việt Nam) thì TD vẫn là kênh cung ứng vốn chủ yếu để duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế. Tuy nhiên, các NHTM Việt Nam chưa có kỹ năng tốt trong thẩm định dự án đầu tư TD cũng như kỹ năng phòng vệ rủi ro kém, cùng với việc các khách hàng của ngân hàng chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có năng lực tài chính hạn chế, nên TD càng tăng trưởng cao thì rủi ro TD càng lớn. Có thể thấy rất rõ hậu quả này trong thời gian qua, với tình trạng gia tăng nợ xấu khó kiểm soát (Biểu 1).

Biểu 1 cho thấy, tốc độ tăng trưởng nợ xấu của các NHTM Việt Nam những năm gần đây: Tốc độ tăng nợ xấu lên đến 74% trong năm 2008, sau đó

Biểu 1. Tốc độ tăng trưởng nợ xấu của các NHTM Việt Nam²



giảm nhẹ năm 2009 với tốc độ tăng nợ xấu khoảng 27% (mức tuyệt đối về nợ xấu là 45.000 tỷ VND, tương đương khoảng 2,5% tổng dư nợ TD của năm); nhưng lại tăng dần trong năm 2010 với tốc độ tăng nợ xấu lên đến 41% (mức nợ xấu của năm này đạt con số tuyệt đối khoảng 38.000 tỷ VND, chiếm 2,1% tổng dư nợ TD của năm này). Năm 2011 tốc độ tăng trưởng của nợ xấu lên đến 64% (số nợ xấu tuyệt đối đạt khoảng 78.000 tỷ VND, bằng khoảng 3,5% tổng dư nợ TD trong năm).

Riêng năm 2012 và 2013, các số liệu thống kê về nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam còn có sự “vênh” nhau đáng kể. Cụ thể:

Năm 2012: Thanh tra NHNN cho rằng nợ xấu gần 8,82% tương đương gần 240.000 tỷ VND³. Con số thống kê khác của NHNN công bố thì nợ xấu lên khoảng 300.000 tỷ VND. Moody's đưa ra dự báo con số nợ xấu của các NHTM Việt

Nam phải ở mức trên 8,6%⁴. Fitch Rating lại dự báo nợ xấu lên đến trên 13%. Louis Taylor, Tổng Giám đốc Standard Chartered bank Vietnam tính toán, nếu lấy con số 8,8% làm chuẩn thì quy mô nợ xấu khoảng 12 tỷ USD và nếu áp dụng tỷ lệ tổn thất ở các thị trường khác (40%) thì lượng vốn mà các NH có thể bị thiệt hại khoảng 7 tỷ USD, tương đương 5% GDP⁵. Thậm chí có chuyên gia cho rằng nợ xấu đã lên đến xấp xỉ 375.000 tỷ VND (tương đương khoảng 15% tổng dư nợ TD)⁶.

Năm 2013: Theo báo cáo chính thức của NHNN, tỷ lệ nợ xấu đến cuối năm 2013 là 3,63%. Tuy vậy, cũng theo NHNN, nếu tính toán một cách thận trọng thì nợ xấu (bao gồm cả nợ xấu đã cơ cấu lại theo Quyết định 780/QĐ-NHNN⁷) cũng chỉ khoảng 9%⁸, trong khi đó Moodys ước tính nợ xấu trong hệ thống NHTM Việt Nam ít nhất phải ở mức 15%⁹.

Các con số thống kê phân

tích nợ xấu cho thấy, trong tổng số nợ xấu hiện nay thì 80% có tài sản bảo đảm. Trong số các tài sản được sử dụng làm đảm bảo TD thì có tới khoảng 57% là các bất động sản (BDS) hoặc các BDS sẽ được hình thành trong tương lai (tương đương khoảng 116.736 tỷ VND)¹⁰. Đáng chú ý là các tài sản bảo đảm được định giá trong điều kiện có bong bóng BDS, nên hiện nay giá các BDS này giảm xuống rất thấp, điều này cũng đồng nghĩa với một bộ phận nợ xấu NH thực chất không có tài sản bảo đảm và thị trường BDS càng rớt giá thì số nợ xấu không có tài sản thực làm đảm bảo sẽ càng lớn.

Vấn đề xử lý nợ xấu đang là trọng tâm trong hoạt động của ngành NH nước ta hiện nay và trong tương lai¹¹. Nếu như nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam không được xử lý tốt thì nguy cơ hệ số tín nhiệm của Việt Nam sẽ tiếp tục bị tụt hạng sâu hơn (Bảng 1), thậm chí Việt Nam sẽ không thể tiếp cận được vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế. Lúc đó, nguy cơ khủng hoảng tài chính sẽ là vô cùng to lớn. Bài học từ khủng hoảng nợ Argentina năm 2001 đã cho thấy rất rõ nguy cơ này.

2. Hoạt động của VAMC và những vấn đề đặt ra

Trong bối cảnh nợ xấu diễn biến phức tạp, rút kinh nghiệm từ một số nước, Việt Nam đã cho ra đời VAMC. VAMC được thành lập vào tháng 7/2013 theo Nghị định 53/2013/NĐ-CP (ngày 18/5/2013), trong đó quy định thành lập VAMC

nhằm xử lý nợ xấu, thúc đẩy tăng trưởng TD hợp lý cho nền kinh tế. Theo đó, VAMC sẽ tiến hành mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng (TCTD) theo giá trị ghi sổ bằng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Bên cạnh đó, căn cứ năng lực tài chính của VAMC, hiệu quả kinh doanh kinh tế và điều kiện thị trường, VAMC được phép mua nợ xấu của các TCTD theo giá thị trường bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt đối với các khoản nợ xấu đáp ứng đủ các điều kiện quy định. NHNN đã trích 500 tỷ VND từ Quỹ thực hiện Chính sách tiền tệ Quốc gia¹² để cấp vốn điều lệ cho VAMC. Trái phiếu đặc biệt được VAMC phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử với mệnh giá có giá trị bằng giá mua của khoản nợ xấu. Trái phiếu đặc biệt được phát hành bằng VND có thời hạn tối đa 5 năm và lãi suất bằng 0%; được sử dụng để vay tái cấp vốn của NHNN.

Trước khi VAMC hình thành, đã có nhiều ý kiến lo ngại về vốn cho hoạt động của công ty này bởi cho rằng, để xử lý được nợ xấu thì phải có ít nhất 100 nghìn tỷ VND và số vốn này phải lấy từ NSNN. Dù lo ngại này đã được xử lý, nhưng xuất hiện thêm lo ngại khác, xuất phát từ việc trái phiếu của VAMC có thể chuyển hóa thành các khoản nợ trong tương lai của Chính phủ do trái phiếu đặc biệt của VAMC được

Bảng 1. Xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam

	2009	2010	2011	2012
S&P	BB	BB	BB-	BB-
Moody's	Ba3	Ba3	B1	B2
Fitch Ratings	BB-	BB-	B+	B+

Nguồn: Vietnam Securities market, 2013

Chính phủ bảo lãnh. Tuy nhiên, theo báo cáo của NHNN, toàn bộ số nợ xấu do VAMC mua lại của các TCTD được hoán đổi bằng các trái phiếu đặc biệt và chưa có một TCTD nào sử dụng trái phiếu này để xin tái cấp vốn tại NHNN. Điều đó cho thấy chỉ có hoán đổi tài sản trên bảng cân đối của các TCTD mà không có dòng tiền lưu chuyển thực sự trong các giao dịch, vì vậy chưa có bất cứ một sự tổn hại nào đối với NSNN từ các hoạt động của VAMC¹³. Hơn nữa, nếu như các TCTD sử dụng trái phiếu của VAMC để tái chiết khấu tại NHNN, thì dòng tiền đi ra cũng không xuất phát từ khu vực Chính phủ. Quy định về quy chế hoạt động của VAMC cũng nêu rõ các trái phiếu do VAMC phát hành có thời hạn 5 năm, và trong 5 năm đó, các TCTD cần phải từng bước trích lập dự phòng rủi ro tương ứng với khoản nợ xấu. Nếu sau 5 năm, VAMC không xử lý được khoản nợ xấu đã mua thì có thể trả lại cho TCTD. Do vậy, ít có khả năng phát sinh các rủi ro đối với NSNN từ các hoạt động của VAMC như lo ngại.

Điều đáng lo ngại hơn không xuất phát từ các nghĩa vụ nợ, mà xuất phát từ rủi ro do mất ổn định hệ thống NH. Quá trình tái cấu trúc hệ thống NH

được tiến hành cho đến nay đã được 3 năm¹⁴, thông qua đó, tính lành mạnh trong hệ thống các TCTD đã từng bước được củng cố, tính thanh khoản được đảm bảo, trong khi các TCTD đã từng bước thực hiện tái cấu trúc thông qua mua lại, sát nhập, và tự tái cấu trúc. Tuy nhiên, những rủi ro hệ thống chưa hoàn toàn được loại bỏ, tỷ lệ nợ xấu vẫn duy trì ở mức cao so ngưỡng an toàn do Basel khuyến cáo ($\leq 3\%$ so dư nợ TD), TD ngân hàng tắc nghẽn¹⁵, năng lực quản trị và quản trị rủi ro của các TCTD chưa đáp ứng thông lệ quốc tế, các tỷ lệ an toàn vẫn ở mức thấp. Rủi ro về một cuộc khủng hoảng NH vẫn có thể xảy ra, đặc biệt trong bối cảnh mà nền kinh tế cũng đang rơi vào tăng trưởng khó khăn¹⁶.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, có một mối liên thông chặt chẽ giữa các cuộc khủng hoảng NH, khủng hoảng tiền tệ và khủng hoảng nợ công. Do đó, nếu như quá trình tái cấu trúc các TCTD của Việt Nam hiện nay, mà trước hết phải đặt trọng tâm vào vấn đề xử lý nợ xấu, không được tiến hành một cách mạnh mẽ, nhanh chóng và hiệu quả, nó có thể gây ra những ảnh hưởng nhất định đối với sự ổn định của nền kinh tế và thông qua đó, ảnh hưởng đến sự bền vững của ngân sách quốc gia. Vai trò của Chính phủ trong việc cứu trợ hệ thống NH khi khủng hoảng xảy ra cũng phải được đặt ra như một mối lo ngại đối với NSNN nếu như hệ thống NH rơi vào khủng hoảng¹⁷, bởi thực tế là các khoản

nợ xấu trong hệ thống NHTM về bản chất chưa hề thay đổi, có chăng chúng chỉ được chuyển “tạm thời” từ bảng cân đối kế toán của NHTM về VAMC và nhiều khả năng chúng sẽ quay trở về chính NHTM đã sản sinh ra chúng sau khoảng gần 5 năm nữa và trong thời gian này, TD lại tiếp tục được cung ứng ra nền kinh tế với giá “rẻ” hơn trước và rất có thể sẽ vẫn là “không đạt chuẩn” do các sức ép từ nhiều phía.

Điều này thực sự là rất đáng quan ngại đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô bởi hiện vẫn có không ít ý kiến chưa đặt nhiều kỳ vọng vào khả năng xử lý nợ xấu của VAMC. Lý do là VAMC “mua” các khoản nợ xấu với “giá” khá cao¹⁸. Theo qui định, các khoản nợ xấu được VAMC mua sẽ được xử lý trên tinh thần không gây thiệt hại cho NHTM cũng như các doanh nghiệp là khách hàng của NHTM, song với việc mua nợ với giá cao như vậy sẽ rất khó để xử lý¹⁹ và rất có thể nợ xấu sẽ được VAMC “nhốt lại” 5 năm và trong trường hợp sau 5 năm vẫn không xử lý được²⁰ thì VAMC sẽ trả lại nợ đã mua cho chính NH đã bán nó cho VAMC, khi đó sẽ có 2 tình huống xảy ra: (i) Trường hợp NHTM sau khi bán các khoản nợ xấu, tiếp tục mở rộng hoạt động TD trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro TD theo yêu cầu của VAMC thì có nghĩa các khoản nợ xấu này đã được xử lý; (ii) Trường hợp NHTM kinh doanh kém hiệu quả, nợ xấu tiếp tục phát sinh, khi đó

với việc VAMC trả lại nợ xấu cho NH thì nợ xấu của NH sẽ tiếp tục phình ra. Trong trường hợp có nhiều NHTM hoạt động tiếp tục kém hiệu quả thì nguy cơ khủng hoảng nợ trong hệ thống NH là vô cùng phức tạp và có thể sẽ làm tăng gánh nặng cho ngân sách để xử lý nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam.

Như vậy có thể thấy, vấn đề xử lý nợ xấu thông qua VAMC vẫn còn khá nhiều bất cập, nhưng hiện tại VAMC chỉ có thể thực hiện phương cách này vì hiện Việt Nam vẫn chưa có một thị trường mua bán nợ đúng nghĩa²¹, hơn nữa, với năng lực tài chính hiện thời, rất khó để VAMC thực hiện việc mua nợ xấu theo giá trị thị trường. Tại thời điểm ra đời VAMC, ở Việt Nam đã có hơn 20 công ty mua bán nợ của các TCTD và một Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN của Bộ Tài chính (DATC). Mặc dù vậy, hình hài một thị trường mua bán nợ ở Việt Nam vẫn chưa rõ rệt, dù NHNN đã đưa ra quan điểm sẽ cho phép nhà đầu tư trong và ngoài nước mua lại nợ của VAMC khi Công ty này đi vào hoạt động – tức VAMC sẽ là tổ chức trung gian thu gom nợ từ các TCTD và bán lại trên thị trường. Việc chưa có thị trường mua bán nợ đã và đang gây nhiều trở ngại khi VAMC muốn bán lại những khoản nợ xấu đã mua. Một thực tế là không ít NHTM từng bày tỏ quan điểm họ đang không chỉ lên kế hoạch bán nợ, mà còn rất mong được mua nợ, bởi phần lớn các khoản nợ xấu đã

được bán này đều có tài sản thế chấp là bất động sản và trong đó nhiều tài sản có giá trị cao sẽ mang lại một khoản lợi nhuận trong tương lai, nhất là khi đã được chiết khấu thời gian đầu. Tuy nhiên, trong bối cảnh mà phần lớn đang nhìn nhận NH ở một phía phải bán nợ, việc họ mong được mua nợ chắc chắn là bất khả thi, bởi nếu chiếu theo quy định thì các Công ty mua bán nợ của các NH lại không được phép mua nợ của mình, và nếu muốn mua nợ của tổ chức khác cũng sẽ rất mất nhiều công đoạn, quy định, gần như khó có thể thành công²².

Vì vậy, để hình thành thị trường mua bán nợ ở Việt Nam, Nhà nước cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho sự vận hành của thị trường này, bên cạnh đó, cũng cần chú ý khâu cán bộ làm công tác định giá tài sản và nợ của các NHTM. Nếu như các khâu yếu này không được xử lý dứt điểm thì các khoản nợ xấu của NHTM rất khó xử lý (trong khi đây là vấn đề thường trực trong kinh doanh NH) và điều này lại tác động tiêu cực tới môi trường tài chính Việt Nam. Thực tế là hoạt động của VAMC với tư cách là một định chế tài chính chuyên “gom” các khoản nợ xấu của các TCTD về để “phân loại” và “xử lý”, chứ không đơn thuần là một “nhánh” hoạt động của NHNN với chức năng “thu gom” và “đóng gói” nợ xấu của TCTD. Để cho tổ chức này hoạt động đúng nghĩa thì phải trao cho nó các chức trách và có đủ công cụ để thực

thi nhiệm vụ một cách tích cực, góp phần tạo dựng niềm tin và hiệu quả trong xử lý nợ xấu của các TCTD Việt Nam. ■

¹ Nguyễn Minh Phong (2011): Giải bài toán kinh tế Việt Nam năm 2011, Tạp chí Ngân hàng Số 12.

² Minh Đức (2012) Nợ xấu ngân hàng: Sau mổ xẻ, đến xấn tay. www.vneconomy.vn ngày 22/8/2012

³ Hồ Hương (2013): Ngành ngân hàng “vượt cạn”. www.daidoanket.vn. Ngày 7/1/2013.

⁴ An Huy (2012): Moody's đưa ra 5 kịch bản xử lý nợ xấu tại Việt Nam. www.cafef.vn. Ngày 4/10/2012.

⁵ Hồ Hương (2013): Ngành ngân hàng “vượt cạn”. www.daidoanket.vn. Ngày 7/1/2013.

⁶ Nguyễn Trí Hiếu (2012): Tọa đàm : “Đánh giá hiệu quả chính sách tiền tệ 10 tháng đầu năm và khuyến nghị chính sách”. Hà Nội, ngày 5/11/2012.

⁷ Quyết định 780/QĐ-NHNN (ngày 23/4/2012) của NHNN cho phép các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho TCTD, chi nhánh NH nước ngoài đánh giá hoạt động SXKD của KH có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quyết định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

⁸ Nguyễn Hằng (2014): NHNN phản pháo lại đánh giá về nợ xấu của Moody's. www.cafef.vn. Ngày 21/2/2014.

⁹ Theo báo cáo công bố ngày 18/2/2014 Moody's cho rằng nợ xấu của các NHTM Việt Nam ít nhất phải ở mức khoảng 15% và tổ chức này vẫn duy trì triển vọng tiêu cực đối với hệ thống NH Việt Nam và dự đoán nguồn vốn của các NH Việt Nam sẽ khó được cải thiện sâu rộng trong vòng 12-18 tháng tới bởi các NH vẫn chưa có đủ khả năng hấp thụ những khoản lỗ tiềm tàng xuất phát từ yếu kém trong chất lượng tài sản.

¹⁰ Thành Hưng (2012): Cần định giá lại tài sản bảo đảm bằng bất động sản. www.cafef.vn. Ngày 10/21/2012.

¹¹ Tại Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ sáng 18/12/2013 tại Hà Nội, dù ghi nhận nỗ lực của ngành NH Việt Nam, nhưng Thủ tướng Chính phủ thẳng thắn cho rằng nợ xấu của hệ thống theo đúng các tiêu chí có thể hơn 8% thay vì 4% như các đơn vị “tự báo cáo”. (Thanh Lan: Thủ tướng: “Dứt khoát độc quyền xuất nhập khẩu vàng”. www.vnexpress.net. Ngày 18/12/2013.

¹² Điều 45 Luật NHNN 2010 quy định: NHNN được trích từ kết quả tài chính hàng năm để lập Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. Điều 8, Nghị định số 07/2006/NĐ-CP về Chế độ tài chính của NHNN quy định: NHNN lập và sử dụng quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia; khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của NHNN. Thống đốc NHNN quyết định và chịu trách nhiệm về các khoản chi từ Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. Các khoản chi này không tính trong kế hoạch cung ứng tiền tăng thêm được duyệt hàng năm.

¹³ Theo qui định thì LS tái cấp vốn của NHNN đối với các TCTD trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC thấp hơn 2%/năm so với mức lãi suất tái cấp vốn do NHNN công bố trong từng thời kỳ. Hiện tại, lãi suất tái cấp vốn do NHNN quy định là 7%/năm. Chiếu theo quy định này thì TCTD có thể mang trái phiếu đặc biệt VAMC lên NHNN vay tái cấp vốn với lãi suất 5%/năm. Tuy nhiên, trong buổi họp thường kỳ ngày 28/02/2014 của NHNN, Bà Nguyễn Thị Hồng - Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ cho biết, hiện có một số NH đề nghị NHNN cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt này nhưng chưa có NH nào được xử lý cho vay (Hải Minh: Vấn chưa ngân hàng nào được vay tái cấp vốn từ trái phiếu đặc biệt của VAMC. www.cafef.vn. ngày 28/2/2014).

¹⁴ Ngày 1/3/2012 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống TCTD giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định Số 254/QĐ-TTg.

¹⁵ Theo NHNN, tín dụng tính đến ngày 22/4/2014 chỉ tăng 0,62%. Trước đó, 2 tháng đầu năm, TD chỉ tăng trưởng âm. (Phạm Huyền (2014): Tiền thừa,



NH thích cho Chính phủ vay. www.vietnamnet.vn. ngày 3/5/2014).

¹⁶ Các số liệu thống kê cho thấy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam những năm gần đây là khá thấp: năm 2011: 5,9%, năm 2012: 5,2%, năm 2013: 5,3% dự báo năm 2014 khoảng 5,4% (IMF: World Economic Outlook 2013). Còn theo dự báo của các nghiên cứu trong nước thì rất có thể tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2014 chỉ khoảng 4,2% do sự kiện Biển Đông.

¹⁷ Bài học kinh nghiệm từ Ireland cho thấy rằng khi các khoản nợ xấu của hệ thống NHTM quá lớn thì buộc Chính phủ phải ra tay cứu trợ để tránh một cuộc đổ vỡ mang tính hệ thống và khi đó các khoản nợ tư nhân lại trở thành nợ công. Cụ thể: Năm 2009, Chính phủ Ireland đã phải sử dụng 50 tỷ EUR để cứu 6 NHTM lớn của nước này tránh khỏi bị đổ vỡ thông qua việc thành lập NAMA - một định chế tài chính nhằm mua lại các khoản nợ tư nhân và biến chúng trở thành tài sản công. Điều này khiến thâm hụt ngân sách Chính phủ tăng vọt lên mức 32% GDP (Wen Yang, Liang Hai Lei, 2012: A Comprehensive Approach to the European Sovereign Debt Crisis- Its roots, process and enlightenment on China. *Advances in Asian Social Science (AASS)* Vol. 2, No.4).

¹⁸ Theo thống kê tính đến cuối tháng 10/2013, VAMC đã phát hành lượng trái phiếu đặc biệt trị giá 3.800 tỷ đồng để mua 5.000 tỷ VND nợ xấu của các NHTM (Ngô Minh: VAMC làm gì với nợ xấu đã mua. www.vneconomy.vn. ngày 17/10/2013). Như vậy, “giá” mua nợ xấu là 76% giá trị ghi sổ của các món nợ xấu. Đây được xem là mức “giá mua” khá cao đối với các khoản nợ xấu của các NHTM.

¹⁹ Theo thông tin, từ cuối năm 2012 đã có một số tổ chức tài chính quốc tế như Công ty tài chính quốc tế (IFC), IMF, WB muốn tìm hiểu và mua các món nợ của VAMC (Thái Thanh: VAMC: Tiền là giấy, giấy không là tiền. www.cafef.vn. ngày 16/10/2012), nhưng đến nay có vẻ họ không mặn mà lắm vì chưa có bất kỳ món nợ xấu nào được đưa ra bàn thảo mua bán.

²⁰ Hiện đang có không ít ý kiến băn khoăn về những khoản nợ xấu VAMC mua lại sẽ được “xử lý” như thế nào, VAMC sẽ yêu cầu các bên thực hiện tái cấu trúc hay bán lại cho các đối tác trong và ngoài nước?. Trả lời vấn đề này, theo VAMC thì, các phương án xử lý nợ xấu mua lại từ các NHTM đã được tổ chức này tính đến và sẽ làm dần từng bước một, với mục tiêu làm sao đem lại lợi ích tốt nhất cho các bên. Trong trường hợp các đối tác trong và ngoài nước quan tâm mua lại khoản nợ này, VAMC sẽ sẵn sàng bán nhưng sẽ không bán bằng mọi giá, chỉ khi thấy có lãi và đem lại lợi ích cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế thì VAMC mới bán. Trong trường hợp thực hiện tái cơ cấu các khoản nợ xấu, thì TCTD và doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm chính trong việc tìm ra giải pháp để tái cấu trúc, VAMC chỉ đứng vai trò là chủ nợ và sẽ quyết định phương án tái cơ cấu cuối cùng sao cho có lợi nhất cho doanh nghiệp, TCTD và nền kinh tế, chỉ trong trường hợp xấu nhất, VAMC mới sử dụng đến phương án phát mại tài sản (Ngô Minh: VAMC làm gì với nợ xấu đã mua? www.vneconomy.vn. ngày 17/10/2013).

²¹ Hiện WB đã đặt vấn đề hợp tác với VAMC về xử lý nợ xấu, thế nhưng, các yếu tố pháp lý chưa đủ hỗ trợ cho các tổ chức tài chính quốc tế, nhất là quyền hạn của nhà đầu tư nước ngoài còn bị hạn chế khi mua nợ thuộc lĩnh vực BĐS. Theo đề án xử lý nợ xấu, việc xử lý nợ xấu có sự tham gia của nhiều Bộ, Ngành, nhưng

đến nay chưa Bộ, Ngành nào triển khai nhiệm vụ của mình ngoài NHNN. Đặc biệt, Nghị định về xử lý nợ xấu (Nghị định 53) cho phép VAMC bán tài sản nếu chủ tài sản không đồng ý giá bán nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết nợ xấu, song lãnh đạo nhiều NH cho rằng VAMC không thể thực hiện được bởi còn vướng các quy định về công chứng, đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm...(Thy Thơ: Nợ xấu: Mua rồi khó bán lại. www.cafef.vn. ngày 17/10/2013).

²² Gia Miêu: Nợ xấu đang chuyển từ túi phải sang túi trái. www.cafef.vn. ngày 24/10/2013.

tiếp theo trang 18

Marketing, Vol.27, No.1, p.37-47.

10. Praja P (2005), “Factors influencing the adoption and usage of IB: A New Zealand perspective”, the thesis of Master.

11. Safeena R & ctg (2010), “Customer Perspectives on E-business Value: Case Study on Internet Banking”, *Journal of Internet Banking and Commerce*, Vol.15, No.1.

12. Sundarraj RP & Manochchri N (2011), “Application of an Extended TAM Model for Online Banking Adoption: A Study at a Gulf-region University”, 24(1), p.1-13.

13. Trương Thị Văn Anh (2008), “Ứng dụng mô hình chấp nhận công nghệ trong nghiên cứu ngân hàng điện tử (E-banking) ở Việt Nam”, *Tuyển tập báo cáo “Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học” 6th.*

14. Venkatesh V & ctg (2003), “User acceptance of Information technology: Towards a unified view”, *MIS Quart*, 27(3), 425-78.

15. Yangil P & Jengchung VC (2007), “Acceptance and adoption of the innovative use of smartphone”, *Industrial Management & Data Systems*, Vol.107, No.9, pp.1349-1365.